

# THỰC DÂN PHÁP, THỰC DÂN MỸ, THỰC DÂN CỘNG SẢN

*Vài bài học lớn của lịch sử Việt Nam cận kim và hiện đại  
qua những tác phẩm  
của Hoàng Trọng Thuộc, Phạm Văn Lưu và Bửu Sao \**

## TÔN THẮT THIÊN

**T**rong dịp nghỉ lễ Giáng Sinh vừa qua, tôi mang theo ba quyển sách về sử Việt Nam mà tôi nhận được từ lâu nhưng chưa có thì giờ đọc. Mới nhìn qua thì những tác phẩm đó chẳng liên hệ gì với nhau cả. Cụ Hoàng Trọng Thuộc viết về vua Duy Tân; Phạm Văn Lưu viết về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm; và Bửu Sao viết về chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại. Mang theo ba quyển sách đó cùng một lúc chỉ là một sự ngẫu nhiên. Nhưng đọc xong tôi lại cho đó là một điều rất may, vì đọc cả ba trong cùng một thời gian, tôi nhận thấy một sự kiện chung nổi bật: nó trình bày đúng cách lịch sử Việt Nam cận kim và cận đại, và do đó không những gây hứng thú, mà còn giúp độc giả Việt Nam biết thêm một số chi tiết quan trọng về các thời Duy Tân, Ngô Đình Diệm và về chế độ cộng sản hiện tại. Đó là những đóng góp đáng kể về sử học. Đồng thời nó chứa đựng một số bài học rất bổ ích về thực dân cổ điển - thực dân Pháp và Mỹ, và thực dân mới - thực dân cộng sản, và làm sáng tỏ một số nhược điểm đã gây tai hại lớn cho dân tộc ta trong quá khứ, và còn đe dọa dân tộc ta trong tương lai.

### I. Đọc và viết sử Việt Nam

Trước hết tôi thấy cần nhấn mạnh một điều mà theo tôi, những người đọc sử không chú ý lắm trong quá khứ, đó là đòi hỏi sử gia viết về Việt Nam 1) phải hiểu rõ những yếu tố xã hội và văn hóa về dân tộc Việt Nam; 2) phải sưu tầm tài liệu một cách đầy đủ, cứu xét thận trọng và trung thực theo đúng tinh thần khoa học, trình bày sự kiện một cách khách quan, xác thực và vô tư, và dùng ngôn ngữ tao nhã. Ai có sưu tầm nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trong 50 năm qua chắc cũng phải công nhận rằng những điều kiện trên đây đã không được thỏa mãn. Trong số hàng ngàn sách ngoại ngữ về Việt Nam mà họ thấy trên các kệ sách, ít nhất tám phần mười là những sách không có thiện cảm với Việt Nam không cộng sản hoặc chống cộng sản, và trực tiếp hay gián tiếp tuyên truyền cho cộng sản - lên án sự can thiệp của Pháp

và nhất là Mỹ ở Việt Nam nhưng không nói gì về sự can thiệp của Liên Xô và Trung Cộng, và phần khác, đề cao Hồ Chí Minh và phía Cộng Sản, nhưng lại làm ngơ về những hành vi thô bạo, hy sinh dân tộc và hủy hoại xứ sở của họ.

Lý do chính của tình trạng trên đây là, về phương diện trước tác lịch sử, sân khấu Việt Nam bị những giới chính trị, đại học và báo chí Tây phương thiên tả chống Mỹ (và chống lấy luôn đồng minh của Mỹ là phía Việt Nam chống Cộng) và những thành viên của khối cộng sản quốc tế chiếm đoạt. Một số lớn của những giới thiên tả này là những nhà khoa bảng hay ký giả có uy thế. Trong khi đó, về phía chống cộng, đặc biệt là trong hàng ngũ Việt Nam, rất ít người có đủ hăng hái, đủ phương tiện, hoặc hội đủ điều kiện về huấn luyện về khoa sử học để có thể sáng tác những tác phẩm có giá trị, đủ phẩm chất khoa học để có thể đối đầu với khối chống Việt Nam nói trên. Điều này rất rõ khi ta vào các thư viện và nhìn những kệ sách: rất ít, nếu không nói là hầu như không có, tác phẩm của người Việt chống cộng - vì những tác phẩm mà tác giả là người Việt thì hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn mà giới sử gia quốc tế đòi hỏi, hoặc không viết bằng các ngoại ngữ phổ biến, hoặc các thư viện thấy cần phải mua.

Rõ ràng rằng có một nhu cầu rất lớn về phía người Việt chống cộng, đó là viết những tác phẩm về Việt Nam, đứng về quan điểm quốc gia Việt Nam, nhưng tôn trọng những tiêu chuẩn khoa học đúng đắn về sáng tác để tác phẩm mình có thể thu hút được nhiều độc giả và được các thư viện mua đặt lên kệ sách của họ.

Vì lý do trên, tôi rất mừng rằng ba tác phẩm nói trên là những tác phẩm đáp ứng những tiêu chuẩn của sử học. Các tác giả đã bỏ nhiều công thu thập tài liệu, lựa chọn kỹ càng, phân tách rất sáng suốt khách quan, và trình bày một cách rõ ràng, công minh, tự chế, dùng lời lẽ rất tao nhã, tuy rằng họ không dấu cảm tình của họ. Đây là loại sách mà người Việt nên viết, càng nhiều chừng nào càng tốt chừng đó. Trước là cho chính người Việt đọc

để biết thêm một cách đích xác về lịch sử của xứ sở, kể đến là làm thời có thể được dịch ra để đưa vào thư viện các nước để tái lập cán cân sự thực đã bị các giới Tây phương thiên tả, hay tuy hữu khuynh nhưng vẫn thân cộng (để làm ăn), và các thành viên của khối cộng sản, làm thiên lệch một cách bất lợi cho phía Việt Nam không cộng sản.

Bây giờ tôi bàn riêng đến từng tác phẩm. Vì những tác phẩm này rất phong phú nên, trong khung cảnh chật hẹp của bài này, tôi chỉ có thể bàn đến một số khía cạnh mà tôi cho là đáng chú ý.

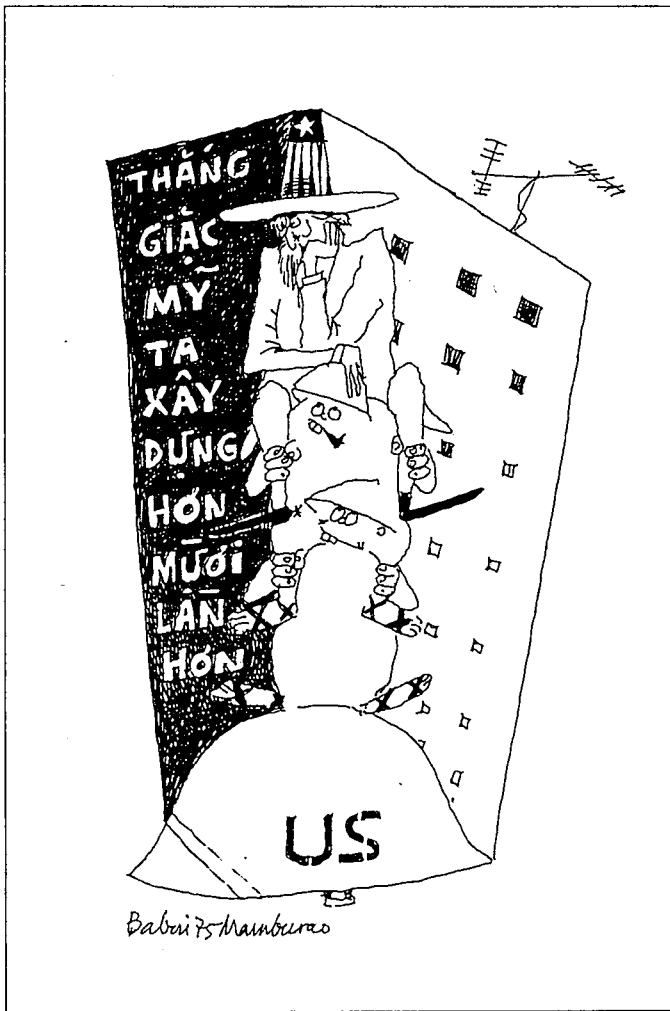
## II. "Hồ sơ vua Duy Tân" của cụ Hoàng Trọng Thước

Trọng hai quyển sách về vua Duy Tân mà tôi đem theo, tôi đọc cuốn *Hồ sơ Vua Duy Tân* của cụ Hoàng Trọng Thước trước, và quyển *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh Sang* của ông Vũ Ngự Chiêu sau. Đó là một sự lầm đáng tiếc, mà tôi tưởng quý độc giả nên tránh. Tôi đề nghị quý vị đọc tác phẩm của Vũ Ngự Chiêu trước.

Tại sao? Tại vì như thế quý vị mới thấy cái nguy về viết sử Việt Nam mà chỉ dựa vào tài liệu của người ngoại quốc và của văn khố ngoại quốc, như ông Vũ Ngự Chiêu đã làm. Ông Chiêu nói rằng: "Tài liệu chính yếu của chúng tôi là văn khố Pháp..." (tr.14). Cộng thêm vào đó là một số tác phẩm. Hầu hết các tác phẩm này viết bằng ngoại ngữ và tác giả là người ngoại quốc. Chỉ có bảy tác phẩm của người Việt, trong đó có bốn cuốn bằng tiếng Anh: Ba của chính ông Chiêu (hai bằng tiếng Anh, một bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp), một của cụ Phan Chu Trinh (nhưng bằng tiếng Anh, do ông ta dịch), một của Tai, Hue Tam Ho; và hai bằng tiếng Việt: một của cụ Phan Bội Châu và một của tướng Võ Nguyên Giáp.

Ông Chiêu là một nhà khoa bảng xuất thân từ các đại học Hoa Kỳ, và được huấn luyện về phương pháp viết sử. Tất nhiên ông phải am hiểu về phương pháp sử học. Ngay trong phần "Dẫn nhập" ông cảnh cáo rằng biên khảo, nghiên cứu sử học phải "vượt trên thiên kiến cá nhân... nghiêm túc luôn luôn tách biệt khỏi sự yêu ghét thông thường của mỗi cá nhân" (tr.15). Nhưng vì ông chỉ dùng tài liệu của văn khố Pháp nên ông đã không khỏi bị nhiễm quan điểm của thực dân Pháp về vua Duy Tân, cùng thái độ khi miệt vua này của họ.

Ngay từ bìa đã nói lên sự thiên kiến ác cảm của tác giả đối với vua Duy Tân: theo thực dân Pháp, ông đã tước chức vị hoàng đế của vua, giáng ông này xuống hàng "hoàng tử", và chỉ gọi ông là "Hoàng tử Vĩnh Sang." Về phê phán kế hoạch của de Gaulle cùng ý đồ của ông ta và của vua Duy Tân thì vua đã thiệt mạng và de Gaulle đã từ chức trước khi kế hoạch thi hành, nghĩa là chúng ta không thể biết nó thực hư ra sao, và hai vị này thực sự có lương thiện và cao thượng hay không. Có thể là không, và vua Duy Tân chỉ muốn trở lại ngôi vua và sẵn sàng làm bù nhìn cho Pháp, và de Gaulle chỉ muốn dùng vua Duy Tân để tái lập chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam. Nhưng cũng có thể là vua Duy Tân và tướng de Gaulle thực tình, và nhờ đó dân Việt Nam được thực sự độc lập thống nhất mà lại tránh khỏi một cuộc chiến tranh tàn khốc, không biết bao nhân mạng khỏi bị hy sinh, xứ sở khỏi bị tàn phá và cộng sản không hy vọng gì cướp chính quyền và làm cho dân Việt Nam bị điêu đứng như ngày nay. Tuy vậy ông Vũ Ngự Chiêu vẫn viết: "Hoàng tử Vĩnh Sang, nói cho cùng (sic!), chỉ là một trong những lá bài ngoại nhân đã đảo tạo (sic!), lập, phết, để phục vụ nhu cầu quyền lợi quốc gia của họ..."



(tr.14) Và ông kết luận với một tư tưởng mà người Việt bình thường không khi nào có, và nhất là nói lên, về một người đã chết, dù người ấy là kẻ thù của mình: nó chết là đáng! Ông viết: “Xét cho cùng (sic!), cái chết của Vinh Sang (sic!) - dù đột ngột bi thảm, và mất mát lớn lao với gia đình Hoàng tử - có lẽ là hồi kết hợp lý nhất (sic!) cho một nạn nhân tội nghiệp của chế độ thực dân Pháp.” (tr.85)

Ông Chiêu đã đi xa hơn cả cộng sản Việt Nam, vì chính quyền cộng sản đã cho gia đình của vua Duy Tân đưa hài cốt của ông ta về Việt Nam an táng công khai, long trọng và rầm rộ như một anh hùng cách mạng của Việt Nam.

Khác với ông Vũ Ngự Chiêu, Cụ Thuộc không phải là một nhà khoa bảng về môn sử học, mà cũng không được cái may mắn học đại học. Nhưng Cụ lại làm rất đúng phương pháp của sử gia! Tuy rằng Cụ không dấu cảm tình và sự khâm phục sâu đậm của Cụ đối với vua Duy Tân, Cụ lại hết sức cẩn thận đứng qua một bên để đọc giả tự phê phán. Trong “Lời nói đầu” Cụ nói rõ Cụ đã chọn phương pháp sử học khiến người đọc “khỏi bị ảnh hưởng của người viết” (tr.23), và cụ đã làm đúng như thế. Cụ đã công phu tham khảo nhiều tài liệu Pháp lẫn Việt Nam ở Paris và Sài Gòn, Huế, và đã mất rất nhiều công liên lạc, tiếp xúc với nhân chứng Việt Nam. Và Cụ đã trình bày những tài liệu đó một cách đầy đủ, vô tư. Một số tài liệu đó, như những hồi ký của Sư bà Diệu Không, những mẫu chuyện do các cụ Võ Văn Triêm, Tôn Thất Sa, Lê Thanh Cảnh, Ứng An v.v..., chưa xuất bản hoặc ít người biết đến. Đó là những tài liệu không những rất quý báu cho những người nghiên cứu về sử Việt Nam thời Thành Thái và Duy Tân, mà đồng thời giúp cho mọi người Việt biết rằng, về hai vị vua này, ngoài những tài liệu chính thức và tác phẩm Pháp nêu lý do tại sao Pháp truất phế và đày hai vị này khỏi xứ, có những lý do khác không trùng hợp, hay ngược với lý do của người Pháp, mà chỉ có thể biết được qua tài liệu và nhân chứng Việt Nam.

Qua những tài liệu và nhân chứng này, vua Thành Thái bị truất phế không phải vì ban đêm cho đi bắt cóc đàn bà con gái vì tính dâm dật, mà đó là một dàn cảnh để lập một đội nữ binh để đánh Pháp. Thời đó, gia đình nào mà dám nói con mình, nhứt là con gái, tự nguyện vào cung vua ban đêm, mà để luyện quân sự chống Pháp? Còn vua Thành Thái khinh miệt đám quần thần quanh mình theo Tây và công khai mặt sát họ, làm cho họ có ác cảm với ông ta; ông phải giả vờ điên có thể tự do có những hành động chống Pháp hay lãng mạ quần thần theo Pháp như vậy; vì vậy ông bị gán cái tội nóng nảy và điên.

Về vua Duy Tân thì thực dân Pháp cứ cho ông ta là con nít, và không thể có hành động chống Pháp. Nhưng khi kế hoạch thất bại, Vua không phủ nhận mục tiêu chống Pháp, và từ chối che lọng,

nghĩa là chấp nhận thà mất ngôi chứ không phủ nhận hành vi cách mạng của mình. Trong những cuộc đối thoại với thực dân Pháp ở Huế, cũng như với cận thần của de Gaulle, Vua đã tỏ ra là ông ta có tác phong của một ông vua, ngôn ngữ xứng đáng với một ông vua. Sau khi bị bắt ở núi Thiên Thai gần Huế, khi khâm sứ Charles hỏi ông ta: “Eh bien, Sire, vous êtes content de votre équipée?” (Bệ hạ hài lòng về cuộc du ngoạn của Ngài không?), ông ta trả lời: “Non! Puisqu’elle n’a pas réussi!” (Không, bởi vì tôi đã không thành công) (tr.191). Khi được hỏi về vấn đề de Gaulle đưa ông lên lại ngôi vua, ông ta trả lời: “Tôi đâu cần được ai ban chức hay tấn phong; tôi vẫn là hoàng đế hợp pháp; tôi có thoái vị bao giờ đâu; tôi chỉ trở về xứ tôi bên cạnh ông de Gaulle...” \*\*

Những lời trên đây là ngôn ngữ của một ông vua. Cũng như phản ứng của vua Thành Thái khi được hỏi về một bài thơ của Hoàng Cao Khải, mà người ta tưởng rằng của ông ta. Bài thơ có câu than phiền: “Trẫm vì Thiên tử tối gian lao.” Vua Thành Thái trả lời: “Một vì thiên tử xứng danh hiệu ấy không bao giờ than phiền gian khổ vì việc nước, và cũng không bao giờ phở mặc kẻ dưới giải quyết việc nước, mà phải lãnh trách nhiệm đối với quốc dân đồng bào. Một ông vua có những tư tưởng và hành động như vậy là một ông vua hèn! Tôi không phải là một ông vua hèn nên không bao giờ sáng tác một bài thơ có giọng hèn như vậy.” (tr.298)

Sự kiện trên đây do ông Lê Thanh Cảnh, một nhân chứng thời Thành Thái, kể lại. Nếu ta chỉ đọc tài liệu Pháp thì làm sao mà có những chi tiết này! Nhờ phỏng vấn ông Lê Thanh Cảnh và một số nhân chứng Việt Nam khác mà cụ Hoàng Trọng Thuộc đã cho ta biết những chi tiết làm sáng tỏ một số khía cạnh rất quan trọng về các Vua Thành Thái và Duy Tân, và của dân tộc Việt Nam. Cùng với Vua Hàm Nghi, họ là ba vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn có thể nói là đại diện cho dân Việt, và đặc biệt là một đức tính của dân Việt: dân ta không hèn.

Hành vi của dân chúng trong những phong trào kháng Pháp, Cần Vương, Phan Đình Phùng, các vụ Yên Bái, Nam Kỳ khởi nghĩa, trong hai cuộc chiến 1946-1954 và 1959-1975 chứng minh rằng dân Việt không hèn. Nhưng họ lại là nạn nhân của hai tệ hại: dốt và lãnh đạo kém. “Dốt” đây không có nghĩa là thất học, nhưng là tuy có học mà lại thiếu những điều cần thiết cho một quốc gia muốn canh tân phát triển, và thiếu hiểu biết về thế giới bên ngoài. Lãnh đạo “kém” không phải là kém về yêu nước và dũng cảm, nhưng kém về hiểu biết thế giới, không đủ khôn ngoan, khéo léo, thấy xa để lèo lái thế nào cho dân tộc tránh khỏi tai vạ chiến tranh tàn khốc và lâu dài mà vẫn được hưởng độc lập tự do, công bằng phát triển và tiến bộ, như lãnh đạo các nước Đông Nam Á đã làm.



Giai đoạn lịch sử trên đây cho ta những bài học gì? Một bài học lớn là: vì dốt nên dân Việt Nam yếu, và vì yếu nên mới bị Pháp lấn áp và dần dần cướp chủ quyền. Đến cuối đời Tự Đức, vua, quan, dân Việt Nam đành bó tay nhìn thực dân Pháp tung hoành. Những tài liệu Việt Nam mà cụ Thước thu thập được đã mô tả chi tiết thái độ hống hách, xác xược, lấn áp của những tên thực dân như Rheinart, de Courcy, Charles, Roumé... đối với vua quan Việt Nam, và sự hoàn toàn bất lực của những người này trước những hành vi đó.

Trách nhiệm chính về tình trạng này không thuộc về ba Vua Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân, mà về ba vua trước đó, đặc biệt là về Vua và Triều đình Tự Đức. Vua và Triều đình này đã gạt bỏ những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ về canh tân, và đặt xứ sở vào tình trạng nghịch lý vừa yếu vừa hung hăng: đánh thì thua, nhưng không chịu hòa, cứ tiếp tục đánh, cho Pháp có cơ và cơ hội chiếm dần dần lãnh thổ, và cuối cùng, luôn cả chủ quyền của Việt Nam.

Hành động của ba vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân và triều đình chỉ là "barous d'honneur": phải làm vì bốn phận và danh dự. Những cuộc khởi nghĩa của họ không thể thành công được, cũng như những cuộc khởi nghĩa của những nhà cách mạng Nho giáo (Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu) hay của những nhà cách mạng mới (Quốc Dân Đảng). Tình trạng này kéo dài đến 1945, và ngay cả những cuộc khởi nghĩa do đảng Cộng Sản lãnh đạo (Thái Nguyên, Đô Lương và Nam Kỳ) cũng chung một số phận.

Lý do của những sự thất bại nói trên là dân ta không hèn, nhưng rất thực tế. Sau những thất bại thê thảm và ngoạn mục dưới triều Tự Đức dân chúng hiểu là Pháp quá mạnh và Triều đình quá yếu, không làm gì được. Xông ra cự quậy chẳng đến đâu, chỉ hại thân. Những cuộc khởi nghĩa dưới hai triều Hàm Nghi và Duy Tân là những cuộc khởi nghĩa mà trong đó có cả vua, quan và dân tham gia. Sau đó từ triều Đồng Khánh cho đến 1945 các cuộc cách mạng thất bại ngay từ đầu vì không có sự tham gia tích cực của đại chúng: dân ta hiểu rõ tình hình và tránh những chuyện phiêu lưu.

Một điều cần chú ý nữa là, thay vì bệnh vua mình, những đình thần của các vua Thành Thái và Duy Tân lại làm ngược lại. Họ cho rằng thái độ

chống Pháp của vua Thành Thái là "điên", hành động bảo vệ chủ quyền quốc gia của vua Duy Tân là "làm loạn", và ngoại trừ cụ Ngô Đình Khả, thân phụ của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chịu bị giáng ba cấp và cất chức hơn là tham dự vào việc truất phế vua, họ đã đồng tình yêu cầu Pháp truất vị nguyên thủ của nước, nghĩa là yêu cầu ngoại quốc can thiệp sâu vào nội bộ của xứ sở mình. Thời Ngô Đình Diệm ta lại thấy tái diễn tuồng này, như Phạm Văn Lưu cho thấy qua tác phẩm của ông ta.

(còn một kỳ)

## Chú thích

\* 1/ Hoàng Trọng Thước, *Hồ sơ Vua Duy Tân*, Mỏ Làng, San Francisco, CA, 1993, cùng: Vũ Ngự Chiêu, *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vinh Sang*, Văn Hóa, Houston, Texas, 1992.

2/ Phạm Văn Lưu, *Ngô Đình Diệm và bang giao Việt Mỹ 1954-1963*, Center for Vietnamese Studies, Melbourne/Paris/ Los Angeles, 1994.

3/ Bửu Sao, *Những mối ưu tư của người Việt đời bở*, Nhà xuất bản Tân Lạc, New York, 1994.

\*\* Institut Charles de Gaulle, *De Gaulle et l'Indochine 1940-1946*, Plon, Paris, 1982.